TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/DS-ST
Ngày: 09/9/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tấn Để
2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện A: Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2022/TLST- DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2022/QĐST-DS ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K.

2. Bị đơn: Chị Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K.

(Chị N có mặt; Chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ*

án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Trước đây chị T làm ăn sinh sống tại địa phương có nhà cửa đất đai ổn định, trong thời gian này chị T có tham gia chơi hụi của chị như sau:

Hụi bắt đầu áp ngày 10/8/2019 âm lịch chị T có tham gia chơi 01 phần với số tiền 500.000 đồng. Tổng số người tham gia là 36 người, 01 tháng khui 03 lần (10 ngày khui 01 lần). Chị T hốt hụi vào ngày 30/9/2019 âm lịch với số tiền 10.700.000 đồng. Sau đó chị T đóng cho chị được 10 lần số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ lại 26 lần với số tiền là 26x500.000 = 13.000.000 đồng.

Trong thời gian chị T mượn chị số tiền 11.200.000 đồng, để chi tiêu trong gia đình có biên nhận vay tiền.

Ngày 04/8/2022 chị có nộp đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 11.200.000 đồng. Chị xác định không tranh chấp số tiền vay để chị và chị T tự thỏa thuận.

Nay chị yêu cầu chị T trả lại cho chị số tiền hụi còn thiếu là 13.000.000 đồng.

** Bị đơn chị Hồ Thị Thanh T vắng mặt không có lý do*.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị N xác định rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 11.200.000 đồng. Chị xác định không tranh chấp số tiền vay để chị và chị T tự thỏa thuận. Chị xác định chị T đã đóng được đã đóng được 11 lần, với số tiền 5.500.000 đồng nên chị T còn thiếu chị 25 lần đóng hụi chết, với số tiền là 12.500.000 đồng. Nay chị yêu cầu chị T trả lại cho chị số tiền hụi còn thiếu là 12.500.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn chị Hồ Thị Thanh T: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn xác định chị T đã đóng được đã đóng được 11 lần, với số tiền 5.500.000 đồng nên chị T còn thiếu chị 25 lần đóng hụi chết, với số tiền là 12.500.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn chị Hồ Thị Thanh T trả lại cho nguyên đơn số tiền hụi còn thiếu là 12.500.000 đồng, khi án có hiệu

lực pháp luật. Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 11.200.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo yêu cầu khởi kiện và đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"*. Bị đơn chị Hồ Thị Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

[2] Về tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn chị Hồ Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T trong vụ án này.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn Hồ Thị Thanh T thực tế đã phát sinh ra quan hệ góp hụi với nhau theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Điều này, được thể hiện qua giấy ghi chép thể hiện danh sách hụi, các hụi viên tham gia và giấy ghi chép thể hiện nội dung nhận tiền hốt hụi do chị N cung cấp. Theo giấy ghi chép thể hiện nội dung nhận tiền hụi đối với dây hụi ngày mùng 10/8/2019 âm lịch do chị N cung cấp thể hiện chị T đã hốt hụi vào ngày 30/9/2019 âm lịch với số tiền 10.700.000 đồng và có ký ghi rõ họ tên khi hốt hụi. Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai ngày 19/7/2022 của người làm chứng là bà Phạm Thị L, chị Võ Thị O, chị Nguyễn Thị M đều xác định chị T có tham gia dây hụi 500.000 đồng do chị N làm đầu thảo. Chị N xác định sau khi hốt hụi chị T đóng cho chị được 11 lần hụi chết số tiền 5.500.000 đồng, còn nợ lại 25 lần với số tiền là 25x500.000 = 12.500.000 đồng và hiện tại dây hụi này đã mãn. Chị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng chị T đều

vắng mặt không có lý do chính đáng trong suốt quá trình tố tụng; chị T cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Chứng tỏ chị T cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện chị T không phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của chị N nên xem như chị T thừa nhận có tham gia góp hụi do chị N làm chủ hụi và còn nợ lại chị N số tiền hụi chết 12.500.000 đồng đến nay chưa trả. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ để chấp nhận và Toà án có đủ cơ sở buộc chị T có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi 12.500.000 đồng cho chị N theo quy định tại Điều 16; Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Ngày 04/8/2022 chị N có nộp đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chị T trả số tiền vay 11.200.000 đồng nên Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị N yêu cầu chị Hồ Thị Thanh T phải trả số tiền vay 11.200.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hoàn trả cho chị N tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên chị Hồ Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 đồng x 5% = 625.000 đồng. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền 605.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp cho yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi theo biên lai thu số 005291 ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.

Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 16; Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N: Buộc bị đơn chị Hồ Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền nợ hụi 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị N yêu cầu chị Hồ Thị Thanh T phải trả số tiền vay 11.200.000 đồng.

2. Về án phí: Chị Hồ Thị Thanh T phải chịu 625.000 (sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền 605.000 (sáu trăm lẻ năm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005291 ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Hồ Thị Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU